

**DANH SÁCH ĐIỂM THI**

**PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN  
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 44, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên           | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng<br>chữ | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------|-------------|-------------|-------------|---------|
| 1   | Dương Thị Thúy An   | 01    | 31          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 2   | Trương Hoàng Anh    | 02    | 14          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 3   | Nguyễn Thị Anh      | 03    | 17          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 4   | Vũ Thị Kiều Chang   | 04    | 20          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 5   | Hoàng Đình Chuyên   | 05    | 33          | 7,0         | Bảy         |         |
| 6   | Nguyễn Mạnh Cường   | 06    | 10          | 8,0         | Tám         |         |
| 7   | Nguyễn Quốc Duy     | 07    | 39          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 8   | Dương Văn Đại       | 08    | 37          | 7,0         | Bảy         |         |
| 9   | Trần Văn Giang      | 09    | 34          | 7,0         | Bảy         |         |
| 10  | Nguyễn Thị Thanh Hà | 10    | 22          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 11  | Đàm Văn Hải         | 11    | 30          | 7,0         | Bảy         |         |
| 12  | Trần Thị Hằng       | 12    | 38          | 7,0         | Bảy         |         |
| 13  | Triệu Huy Hoàng     | 13    | 26          | 7,0         | Bảy         |         |
| 14  | Phùng Văn Hùng      | 14    | 24          | 7,0         | Bảy         |         |
| 15  | Nguyễn Minh Hưng    | 15    | 29          | 7,0         | Bảy         |         |
| 16  | Bùi Thị Hương       | 16    | 28          | 8,0         | Tám         |         |
| 17  | Nguyễn Thị Huyền    | 17    | 02          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 18  | Dương Văn Kiêm      | 18    | 41          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 19  | Đoàn Tiến Kiên      | 19    | 27          | 7,0         | Bảy         |         |
| 20  | Nguyễn Thị Linh     | 20    | 46          | 7,0         | Bảy         |         |
| 21  | Ma Thị Lương        | 21    | 12          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 22  | Mai Thị Ngọc Minh   | 22    | 19          | 8,5         | Tám rưỡi    |         |
| 23  | Mai Quang Ngọc      | 23    | 08          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |



| STT | Họ và tên            | Số BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng<br>chữ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------|-------------|-------------|-------------|---------|
| 24  | Đặng Đình Nguyên     | 24    | 21          | 7,0         | Bảy         |         |
| 25  | Nguyễn Thị Nhung     | 25    | 42          | 7,0         | Bảy         |         |
| 26  | Nguyễn Thị Quyên     | 26    | 06          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 27  | Đinh Thị Hương Quỳnh | 27    | 04          | 8,0         | Tám         |         |
| 28  | Vũ Xuân Sơn          | 28    | 44          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 29  | Trịnh Đức Tâm        | 29    | 05          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 30  | Nguyễn Ngọc Tâm      | 30    | 09          | 7,0         | Bảy         |         |
| 31  | Nguyễn Thị Tâm       | 31    | 35          | 7,0         | Bảy         |         |
| 32  | Trương Đức Tâm       | 32    | 25          | 7,0         | Bảy         |         |
| 33  | Hứa Văn Thắng        | 33    | 40          | 7,0         | Bảy         |         |
| 34  | Nguyễn Văn Thành     | 34    | 45          | 7,0         | Bảy         |         |
| 35  | Lê Thị Thảo          | 35    | 03          | 8,0         | Tám         |         |
| 36  | Dương Văn Thi        | 36    | 36          | 7,0         | Bảy         |         |
| 37  | Nguyễn Văn Thuật     | 37    | 13          | 7,0         | Bảy         |         |
| 38  | Cù Bích Thục         | 38    | 01          | 7,0         | Bảy         |         |
| 39  | Triệu Xuân Trường    | 39    | 23          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 40  | Triệu Anh Tuấn       | 40    | 43          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 41  | Phạm Sỹ Tùng         | 41    | 32          | 7,0         | Bảy         |         |
| 42  | Bùi Thị Kim Tuyền    | 42    | 11          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 43  | Nguyễn Văn Vượng     | 43    | 16          | 7,0         | Bảy         |         |
| 44  | Ma Thị Yên           | 44    | 18          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |
| 45  | Mai Thị Hải Yến      | 45    | 15          | 8,0         | Tám         |         |
| 46  | Vũ Thị Yên           | 46    | 07          | 7,5         | Bảy rưỡi    |         |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**

**KHOA NN&PL  
TRƯỞNG KHOA**



**Lê Minh Hường**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




**Phạm Minh Chuyên**